

Số: ~~383~~/BC-SNNPTNT

Kiên Giang, ngày ~~15~~ tháng 9 năm 2020

## **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện vốn đầu tư công đến 14/9/2020  
do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý**

### **1. Tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công đến 14/9/2020.**

Vốn đầu tư công được giao đến thời điểm báo cáo là 835.074 triệu đồng. Khối lượng thực hiện lũy kế từ đầu năm đến 14/9/2020 được 353.343 triệu đồng đạt 42,3% kế hoạch năm và giá trị giải ngân lũy kế được 315.815 triệu đồng đạt 37,8% kế hoạch.

Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương: Giá trị khối lượng thực hiện được 302.642/545.561 triệu đồng, đạt 55,5%; Giá trị giải ngân được 268.117/545.561 triệu đồng, đạt 49,1%.

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Giá trị khối lượng thực hiện được 50.701/289.513 triệu đồng, đạt 17,5%; Giá trị giải ngân được 47.698/289.513 triệu đồng, đạt 16,5%.

- Ước khối lượng thực hiện đến 30/9/2020 là 480.177 triệu đồng đạt 57,5% kế hoạch năm và giá trị giải ngân lũy kế được 476.728 triệu đồng đạt 57,1% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 31/01/2021 là 652.305 triệu đồng đạt 78,1% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 652.305 triệu đồng đạt 78,1% kế hoạch.

*(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết tiến độ từng dự án)*

### **2. Kế hoạch thực hiện vốn chuyển nguồn các năm trước sang năm 2020 thực hiện.**

- Vốn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 tiếp tục thực hiện gồm 25 dự án, với số vốn chuyển nguồn là: 209.715 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương là 190.090 triệu đồng, gồm 12 dự án.

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là 16.957 triệu đồng, gồm 09 dự án.

- Nguồn vốn Xổ số kiến thiết là 2.668 triệu đồng, gồm 04 dự án.

Đến 14/9 giải ngân được 126.302 triệu đồng, đạt 60,2% kế hoạch. Dự kiến đến 30/9 giải ngân được 180.385 triệu đồng, đạt 86,0% kế hoạch và đến 31/12 giải ngân được 205.226 triệu đồng, đạt 97,9% kế hoạch.

*(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết giải ngân từng dự án)*

### **3. Nguyên nhân giải ngân thấp các nguồn vốn:**

#### **\* Nguyên nhân khách quan:**

3.1. Đối với nguồn vốn năm 2019 chuyển tiếp sang năm 2020: có 25 dự án, trong đó tập trung vốn lớn có 04 dự án lớn là:

- Dự án Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh: Vốn năm 2020: 22.500 triệu đồng; Vốn năm 2019 chuyển sang 40.000 triệu đồng. Đã ký hợp đồng với đơn vị thi công, ngày 14/9 đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

- Dự án Kè chống sạt lở khu vực Hòn Quéo, huyện Hòn Đất: Vốn 2019 80.000 triệu đồng. Đã ký hợp đồng với đơn vị thi công, ngày 14/9 đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

- Dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân xong 22.010 triệu đồng vốn chuyển nguồn, đang triển khai các gói thầu trong kế hoạch vốn bố trí năm 2020 (giải ngân 4.791/77.586 triệu đồng).

- Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT) tới thời điểm này giải ngân được 17.706/25.587 triệu đồng, đến 30/9/2020 mới giải ngân hết vốn chuyển nguồn. Dự kiến dự án này trong tháng 10/2020 mới triển khai các gói thầu trong kế hoạch vốn 2020 (vốn bố trí năm 2020 45.929 triệu đồng).

3.2. Công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch Giá, Châu Thành và Kiên Lương (HM: Xây dựng cống Kênh Nhánh, Cống rạch Tà Niên)

- Công tác BHGT: Đến nay vẫn còn một hộ dân chưa bàn giao mặt bằng cho đơn vị thực hiện thi công (do vướng thi hành án), nên tiến độ cống Tà Niên chưa đạt kế hoạch đề ra.

3.3. Có 03 dự án cấp nước đã phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán: Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên; Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang; Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận. Đang triển khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong tháng 9/2020 sẽ ký hợp đồng với nhà thầu và triển khai thi công giải ngân vốn kế hoạch 2020.

#### **\* Nguyên nhân chủ quan:**

- Tiến độ thi công của một số công trình còn chậm do năng lực nhà thầu, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức thi công chưa hợp lý, công tác quản lý dự án chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo, đã có nhiều cuộc họp xử lý giải quyết, cụ thể một số công trình như: Dự án ĐTXD Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải; Dự án ĐTXD khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Cái Lớn - Cái Bé, tỉnh Kiên Giang; Dự án: ĐTXD Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương và Dự án: ĐTXD Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp cảng cá Đảo Thổ Châu; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Gành Dầu.

### **4. Đề nghị điều chỉnh vốn kế hoạch 2020 cho các dự án ODA và đề xuất:**

4.1. Tiểu dự án ĐTXD CSHT phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ NTS huyện An Minh, An Biên tỉnh Kiên Giang thuộc dự án “Chống chịu khí hậu

**tổng hợp và sinh kế bền vững DBSCL (MD - ICRSL)”: Đề nghị điều chỉnh giảm:**

- Kế hoạch vốn 144.000 triệu đồng, điều chỉnh giảm 118.732 triệu đồng:

+ Đến nay đã giải ngân 12.318 triệu đồng, vốn còn lại 131.682 triệu đồng. Thời gian thực hiện dự án theo Hiệp định vay vốn từ năm 2016 đến năm 2022.

+ Theo Hiệp định vay vốn: Giải ngân theo tỷ lệ 70% vốn vay ODA, 30% vốn vay lại. Năm 2020 vốn ODA bố trí là 58.958 triệu đồng, khả năng giải ngân vốn ODA là 58.958 triệu đồng, tương ứng với khả năng giải ngân vốn vay lại 30% là 25.268 triệu đồng. Như vậy vốn bố trí thừa 118.732 triệu đồng.

Đề nghị UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính xin điều chỉnh giảm 118.732 triệu đồng và đồng thời bố trí lại để thực hiện cho giai đoạn 2021-2022.

#### **4.2. Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và khôi phục đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau:**

Tổng kế hoạch vốn 14.449 triệu đồng (trong đó vốn ODA là 14.000 triệu đồng, năm 2019 là 4.000 triệu đồng, năm 2020 là 10.000 triệu đồng và vốn cân đối ngân sách địa phương là 449 triệu đồng)

- Đến nay chưa giải ngân được là các thủ tục do Ban quản lý Trung ương thực hiện chưa hoàn thành, còn phải chờ đấu thầu quốc tế lựa chọn tư vấn quốc tế, sau đó mới triển khai dự án ở các tỉnh. **Đề nghị chuyển trả vốn kế hoạch.**

**4.3. Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT):** Hiện nay, các Tiểu dự án đầu tư CSHT và TTB cho các HTX đã ký HĐ với các nhà thầu cho thanh toán các HĐ thiết kế, thẩm tra, và rà phá bom mìn. Khó khăn gặp phải là tình hình thu tiền đối ứng của các HTX chưa đảm bảo đúng như kế hoạch, và 1 số công trình gặp khó khăn trong vận chuyển vật liệu XD.

Đã ký hợp đồng các gói thầu vốn chuyển nguồn 2019 sang (25.587 triệu đồng). Trong tháng 10/2020 mới ký hợp đồng 1 số gói thầu vốn kế hoạch năm 2020. Dự kiến giải ngân vốn kế hoạch 2020 là 25.000/45.929 triệu đồng, vốn còn lại của KH năm 2020 là 20.929 triệu đồng xin chuyển qua năm 2021 tiếp tục thực hiện.

#### **4.4. Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020:**

Đã ký hợp đồng các gói thầu: Gói thầu số 16 (Trồng, chăm sóc rừng mới trồng; xây tường mềm giảm sóng tại Hòn Đất, Kiên Lương); Gói thầu số 17, 18, 19 (Xây trạm QL BV rừng tại thị trấn Kiên Lương, huyện Hòn Đất và thị xã Hà Tiên); Gói thầu số 20: Bảo vệ hiện trạng (Phần tường mềm giảm sóng và gây bồi); Gói thầu số 28 (Tư vấn giám sát thi công gói thầu số 16) Đã giải ngân hết vốn chuyển nguồn 2019 sang **22.010 triệu đồng**. Đang triển khai các gói thầu trong kế hoạch 2020. Dự kiến giải ngân vốn kế hoạch 2020 là 52.400/77.586 triệu đồng, vốn còn lại của KH năm 2020 là 25.186 triệu đồng xin chuyển qua năm các năm sau tiếp tục thực hiện, vì dự án rừng đặt thù nên triển khai chăm sóc, bảo vệ 03 năm sau mới nghiệm thu và quyết toán dự án.

#### **4.5. Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phục vụ NTTS xã Bình Trị, huyện Kiên Lương (Giai đoạn 2):**

Hiện tại UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương cho điều chỉnh dự án (bổ sung hạng mục công trình theo đề nghị của địa phương), tuy nhiên do thời gian thực hiện dự án đến 31/12/2020 là kết thúc, thời gian còn lại không đảm bảo để thực hiện công tác điều chỉnh dự án, TK BVTC và đấu thầu thi công. Đề nghị UBND tỉnh thống nhất chủ trương không điều chỉnh dự án.

**4.6. Dự án kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch Giá, Châu Thành và Kiên Lương (HM: Xây dựng cống Kênh Nhánh, Cống rạch Tà Niên):**

Phối hợp với UBND huyện Châu Thành xử lý tồn đọng trong công tác giải phóng mặt bằng Cống Rạch Tà Niên còn một hộ dân chưa bàn giao mặt bằng cho đơn vị thực hiện thi công (do vướng thi hành án).

**4.7. Đề nghị Sở Kế hoạch Đầu tư:**

Sớm xử lý các vướng mắc trong công tác phê duyệt KHLCNT các Đập ngăn mặn, giữ ngọt mùa khô năm 2020 trên kênh Ông Hiến; Đập ngăn mặn, giữ ngọt mùa khô năm 2020 trên kênh Chung Bàu để làm cơ sở thanh toán khối lượng hoàn thành cho đơn vị thực hiện.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 14/9/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (bc);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, qlxdct.

K. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Hoàng Văn Tuấn*



### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 383/BC-SNNPTNT ngày: 15 tháng 9 năm 2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		KẾ HOẠCH 2020	ƯỚC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 14/9/2020				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/9/2020				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/01/2021				Ghi chú
			GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI KH	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI CP	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>NGUỒN VỐN ĐƯỢC GIAO</b>	835.074	353.343	42,3	315.815	37,8	480.177	57,5	476.728	57,1	652.305	78,1	652.305	78,1	
1	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	545.561	302.642	55,5	268.117	49,1	371.784	68,1	371.661	68,1	489.446	89,7	489.446	89,7	
2	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	289.513	50.701	17,5	47.698	16,5	108.393	37,4	105.067	36,3	162.859	56,3	162.859	56,3	



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số: 383/BC-SNNPTNT ngày: 15 tháng 9 năm 2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 14/9/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - DP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ								835.074	353.343	315.815	42,3	37,8	480.177	476.728	57,5	57,1	652.305	652.305	78,1	78,1	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG								545.561	302.642	268.117	55,5	49,1	371.784	371.661	68,1	68,1	489.446	489.446	89,7	89,7	
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU								112.038	71.226	61.910	63,6	55,3	85.587	85.464	76,4	76,3	112.038	112.038	100,0	100,0	
I	Chương trình phát triển kinh tế vùng						63.082	63.082	46.918	40.243	30.927	85,8	65,9	40.243	40.120	85,8	85,5	46.918	46.918	100,0	100,0	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020						63.082	63.082	46.918	40.243	30.927	85,8	65,9	40.243	40.120	85,8	85,5	46.918	46.918	100,0	100,0	
I	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000	110.000	63.082	63.082	46.918	40.243	30.927	85,8	65,9	40.243	40.120	85,8	85,5	46.918	46.918	100,0	100,0	Đang thi công theo tiến độ đề ra, dự kiến trong quý IV sẽ tổng kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán dự án
II	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững						263.380	263.380	55.120	26.235	26.235	47,6	47,6	37.844	37.844	68,7	68,7	55.120	55.120	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020						263.380	263.380	44.500	21.465	21.465	48,2	48,2	28.274	28.274	63,5	63,5	44.500	44.500	100,0	100,0	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Gành Dầu	PQ	2015-2020	1474; 20/7/2015	120.000	120.000	68.000	68.000	15.000	8.590	8.590	57,3	57,3	10.000	10.000	66,7	66,7	15.000	15.000	100,0	100,0	Đã nghiệm thu hoàn thành hạng mục cầu cảng và đế chân sóng; nhà điều hành. Đang phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu sang lắp mặt bằng cảng, tháng 11 sẽ hoàn thành bơm cát sang lắp mặt bằng cảng. Dự kiến tháng 10 nghiệm thu hàng rào bảo vệ, bãi đậu xe, đường dẫn xuống cảng. <b>Đã điều chỉnh giảm vốn, sang năm 2021 tiếp tục thực hiện</b>
2	Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương.	KL	2018-2020	2552; 28/10/2013; 1665; 27/7/2018	195.821	186.821	144.500	144.500	23.000	10.279	10.279	44,7	44,7	14.778	14.778	64,3	64,3	23.000	23.000	100,0	100,0	Tháng 5 nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng 02 tuyến đường và các hạng mục nạo vét kênh; Đã tổng kiểm tra 05 công trình để Quốc phòng. Dự kiến tháng 10 sẽ tổng kiểm tra 02 công trình còn lại. Tháng 11 nghiệm thu đưa vào sử dụng. <b>Đã điều chỉnh giảm vốn, sang năm 2021 tiếp tục thực hiện</b>
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của sông cái Lớn - Cái Bé	CT-AB	2017-2022	2296; 30/10/2017	80.014	36.000	29.500	29.500	6.500	2.596	2.596	39,9	39,9	3.496	3.496	53,8	53,8	6.500	6.500	100,0	100,0	Đóng cọc hoàn thiện 210/240 trụ neo, 30 trụ còn lại đang thi công (mỗi cọc chủ trương dài 30 trụ từ Cái Bé sang Cái Lớn Trong tháng 8). Tháng 10/2020 sẽ thi công hoàn thành. Nạo vét luồng: Hoàn thành 3,7km/5km. Còn lại 1,3km sẽ thi công xong trong tháng 9/2020. Tháng 11/2020 nghiệm thu hoàn thành công trình
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020								10.620	4.770	4.770	44,9	44,9	9.570	9.570	90,1	90,1	10.620	10.620	100,0	100,0	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu	PQ	2016-2020	2590; 30/10/2015	154.189	154.189	21.380	21.380	10.620	4.770	4.770	44,9	44,9	9.570	9.570	90,1	90,1	10.620	10.620	100,0	100,0	Tháng 6 thi công xong hệ đầm cầu cảng; hoàn chỉnh hệ bảo vệ bờ. Tháng 10 bơm cát san lấp mặt bằng thi công xong. Tháng 11 thi công xong bên mặt cầu cảng. <b>Đã điều chỉnh giảm vốn, sang năm 2021 tiếp tục thực hiện</b>

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 14/9/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
III	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư						48.000	48.000	10.000	4.748	4.748	47,5	47,5	7.500	7.500	75,0	75,0	10.000	10.000	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020						48.000	48.000	10.000	4.748	4.748	47,5	47,5	7.500	7.500	75,0	75,0	10.000	10.000	100,0	100,0	
I	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	KH	2017-2020	2281; 30/10/2017	120.000	108.000	48.000	48.000	10.000	4.748	4.748	47,5	47,5	7.500	7.500	75,0	75,0	10.000	10.000	100,0	100,0	Tháng 8 thi công xong hạng mục cọc khoan nhồi. Tháng 9 xong phần xử lý chống thấm. Tháng 10 xong hạng mục đường ống cấp nước quanh đảo. Đã điều chỉnh giảm vốn, sang năm 2021 tiếp tục thực hiện
B	Vốn bố trí cho các dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn các dự án quan trọng quốc gia								109.400	83.791	83.791	76,6	76,6	96.900	96.900	88,6	88,6	109.400	109.400	100,0	100,0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2020						100.000	100.000	109.400	83.791	83.791	76,6	76,6	96.900	96.900	88,6	88,6	109.400	109.400	100,0	100,0	
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	TT		2516; 31/10/2019	1.484.000				74.400	74.000	74.000	99,5	99,5	74.400	74.400	100,0	100,0	74.400	74.400	100,0	100,0	Đã ký hợp đồng thi công công cụ thuyền Vàm Bả Lích-Châu Thành. Đã phát hành HSMT Công cụ thuyền T3-Hòa Điền, hàng 10 ký hợp công.
2	Kê chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên	AB			75.000	25.000			12.500	9.791	9.791	78,3	78,3	12.500	12.500	100,0	100,0	12.500	12.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến tháng 9 sẽ hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
3	Kê chống sạt lở khu vực Xẻo Nhau huyện An Minh	AM			45.000				22.500			0,0	0,0	10.000	10.000	44,4	44,4	22.500	22.500	100,0	100,0	Đã mở hồ sơ chỉ định thầu xây lắp. Dự kiến trong tháng 9 sẽ ký hợp đồng và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.
C	Vốn nước ngoài (ODA các nhà tài trợ)				1.281.265	718.025	145.000	145.000	324.123	147.625	122.416	45,5	37,8	189.297	189.297	58,4	58,4	268.008	268.008	82,7	82,7	
I	Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (Giải ngân theo cơ chế trong nước)				494.518	418.473	209.237	209.237	209.236	120.231	95.022	57,5	45,4	131.970	131.970	63,1	63,1	184.050	184.050	88,0	88,0	
1	Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020	HD, KT, HT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.879	177.586	100.000	100.000	77.586	30.000	4.791	38,7	6,2	30.000	30.000	38,7	38,7	52.400	52.400	67,5	67,5	- Đã ký hợp đồng các gói thầu: Gói thầu số 16 (Trồng, chăm sóc rừng mới trồng; xây tường mềm giảm sóng tại Hòn Đất, Kiên Lương); Gói thầu số 17, 18, 19 (Xây trạm QL BV rừng tại thị trấn Kiên Lương, huyện Hòn Đất và thị xã Hà Tiên); Gói thầu số 20: Bảo vệ hiện trạng (Phần tường mềm giảm sóng và gây bồi); Gói thầu số 28 (Tư vấn giám sát thi công gói thầu số 16) Đã giải ngân hết vốn chuyển nguồn 2019 sang 22.010 triệu đồng. Đang triển khai các gói thầu trong kế hoạch 2020. Dự án đặt thủ dự án rừng nên triển khai chăm sóc bảo vệ 03 năm sau mới quyết toán
2	Công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch Giá, Châu Thành và Kiên Lương (hạng mục: Công kênh Nhánh và Công rạch Tà Niên)	RG, CT, KL	2018-2020	2356; 24/10/2018	306.639	240.887	109.237	109.237	131.650	90.231	90.231	68,5	68,5	101.970	101.970	77,5	77,5	131.650	131.650	100,0	100,0	Công trình đang thi công. Dự kiến công kênh nhánh sẽ hoàn thành vào tháng 12/2020 (cho thông cầu vào tháng 10). Do Công Rạch Tà Niên vướng giải tỏa còn 01 hộ chưa chi trả do vướng thi hành án tòa án nên không đủ thời gian thi công hoàn thành trong năm 2020, kiến nghị kéo dài thời gian thực hiện dự án sang năm 2021 để thực hiện hoàn thành công trình. Đã thi công xong phần đóng cọc, tru cầu, khung vây, sản xuất đầm cầu...

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 14/9/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW – ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
II	Dự án Ô				1.281.265	718.025	145.000	145.000	114.887	27.394	27.394	23,8	23,8	57.327	57.327	49,9	49,9	83.958	83.958	73,1	73,1	
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khi hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	432.960	100.000	100.000	58.958	27.394	27.394	46,5	46,5	47.327	47.327	80,3	80,3	58.958	58.958	100,0	100,0	Tháng 7 điều chỉnh dự án hạng mục Kè 10km. Tháng 8 phê duyệt hồ sơ TK BVTC hạng mục Kè 10km. Tháng 9 lựa chọn được nhà thầu thi công và ký kết hợp đồng. Tháng 10 khởi công xây dựng. Đang triển khai thi công 09 công, đã thi công xong phần bản đay công, tường thân công, nhà quản lý đã thi công xong phần thổ...
2	Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và phối phục đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	TT	2017-2022	5758; BNN, 29/12/2017	230.966	173.845			10.000			0,0	0,0			-	-					Đang chờ Ban CPO tuyển tư vấn để triển khai thực hiện; Đề nghị chuyển vốn qua DA WB9 thực hiện (trong đó năm 2019 4.000 triệu đồng và năm 2020 10.000 triệu đồng)
3	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	45.000	45.000	45.929			0,0	0,0	10.000	10.000	21,8	21,8	25.000	25.000	54,4	54,4	Hiện nay, các Tiểu dự án đầu tư CSHT và TTB cho các HTX đã ký HĐ với các nhà thầu cho thanh toán các HĐ thiết kế, thẩm tra, và rà phá bom mìn. Khó khăn gặp phải là tình hình thu tiền đối ứng của các HTX chưa đảm bảo đúng như kế hoạch, và 1 số công trình gặp khó khăn trong vận chuyển vật liệu XD. Đã ký hợp đồng các gói thầu vốn chuyển nguồn 2019 sang (25.587 triệu đồng). Dự kiến trong tháng 9/2020 mới ký hợp đồng 1 số gói thầu vốn kế hoạch năm 2020. Vốn còn lại của KH năm 2020 là 20.929 triệu đồng xin chuyển qua năm 2021 tiếp tục thực hiện
	NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG								289.513	50.701	47.698	17,5	16,5	108.393	105.067	37,4	36,3	162.859	162.859	56,3	56,3	
A	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								123.183	36.217	33.262	29,4	27,0	65.663	62.337	53,3	50,6	116.529	116.529	94,6	94,6	
I	Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp								19.854	9.299	8.748	46,8	44,1	14.057	12.731	70,8	64,1	17.984	17.984	90,6	90,6	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								11.089	6.752	6.294	60,9	56,8	7.998	7.498	72,1	67,6	11.089	11.089	100,0	100,0	
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100;	313.499	37.000	8.430	8.430	7.091	3.000	2.542	42,3	35,8	4.000	3.500	56,4	49,4	7.091	7.091	100,0	100,0	Thanh toán đối ứng các gói thầu ODA ( gói thầu tư vấn, giám sát...)
2	Hồ chứa nước Bãi Nhà thuộc dự án xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp cụm hồ Kiên Hải (hồ Hòn Ngang, Bãi Nhà và sửa chữa nâng cấp hồ Hòn Lớn), huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	KH	2015-2020	2765; 26/12/2014; 3098; 27/12/2015					417	417	417	100,0	100,0	417	417	100,0	100,0	417	417	100,0	100,0	Công trình đã thi công hoàn thành. Đang hoàn tất hồ sơ để nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
3	Đóng mới tàu kiểm ngư trang bị cho lực lượng thanh tra chuyển ngành Thủy sản Kiên Giang	RG	2019-2021	1853; 15/8/2019	44.000	44.000	19.731	19.731	3.581	3.335	3.335	93,1	93,1	3.581	3.581	100,0	100,0	3.581	3.581	100,0	100,0	Đang đóng tàu theo tiến độ. Đề nghị bố trí thêm vốn. Dự kiến quý IV hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán dự án
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020								4.430	1.337	1.244	30,2	28,1	3.644	2.818	82,3	63,6	4.430	4.430	100,0	100,0	
1	Hạt Kiểm Lâm Hà Tiên	HT	2.020	385 SKH; 30/10/2019	1.500	1.500			1.350	650	557	48,1	41,3	1.168	1.168	86,5	86,5	1.350	1.350	100,0	100,0	Đã thi công hoàn thành, đang tổng kiểm tra. Trong tháng 9 sẽ nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quyết toán.
2	Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Giang Thành	GT	2019-2020	264 SKH; 12/8/2019	1.782	1.782			1.780	631	631	35,4	35,4	1.626	1.200	91,3	67,4	1.780	1.780	100,0	100,0	Đã thi công hoàn thành cơ bản, đanghoàn thiện. Trong tháng 10 sẽ nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quyết toán.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THHT từ đầu năm đến 14/9/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
i	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
3	Trại giống Thù 6 Biển, xã Nam Thái, huyện AM; Hàng mục: Sản nền, thoát nước, bể chứa	AB	2019-2020	392 SKH, 30/10/2019	1.300	1.300			1.300	56	56	4,3	4,3	850	450	65,4	34,6	1.300	1.300	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến trong tháng 10 sẽ thi công hoàn thành, tháng 11 nghiệm thu đưa vào sử dụng.
(3)	Các dự án đang thanh quyết toán								4.335	1.210	1.210	27,9	27,9	2.415	2.415	55,7	55,7	2.465	2.465	56,9	56,9	
1	Thả phao phân vùng thám cổ biển khu bảo tồn biển Phú Quốc	PQ	2016-2017	275; 18/10/2010	8.725				300			0,0	0,0	150	150	50,0	50,0	300	300	100,0	100,0	Đã trình Quyết toán hoàn thành qua Sở Tài chính
2	Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương (GD1)	KL	2018-2020	2552; 28/10/2013, 1665; 28/10/2016	195.821	9.000			270			0,0	0,0			-	-			-	-	Đã đề nghị điều chuyển
3	Dự án hệ thống đê biển An Biên-An Minh (công thứ 7, xẻo dôi, thường lương, rọ ghè, xẻo quao, xẻo nhào)	AB-AM		2926; 25/12/2018	255.000	29.330			3.500	952	952	27,2	27,2	2.000	2.000	57,1	57,1	1.900	1.900	54,3	54,3	Đang lập hồ sơ quyết toán hoàn thành công trình.
4	Trạm trồng trọt và BVTV, trạm chăn nuôi và thú y, trạm khuyến nông và phòng nông nghiệp huyện UMT	UMT	2016-2018	410; 30/10/2015	5.484	5.484			265	258	258	97,4	97,4	265	265	100,0	100,0	265	265	100,0	100,0	Đã trình Quyết toán hoàn thành qua Sở Tài chính
II	Ngành, lĩnh vực đối ứng dự án sử dụng vốn TW và ODA								67.329	14.643	12.239	21,7	18,2	25.323	23.323	37,6	34,6	66.880	66.880	99,3	99,3	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								9.450	3.000	596	31,7	6,3	3.000	1.000	31,7	10,6	9.450	9.450	100,0	100,0	
1	Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020	HĐ, KL, HT	2013-2020	2358; 24/10/2018	187.879	9.450			9.450	3.000	596	31,7	6,3	3.000	1.000	31,7	10,6	9.450	9.450	100,0	100,0	Về khó khăn: Các gói thầu mua sắm thiết bị chưa triển khai được do vướng Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019; Gói thầu trồng rừng Được vướng các hộ dân nuôi trồng thủy sản, dự kiến thực hiện trong quý 3
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020						146.038	145.771	57.879	11.643	11.643	20,1	20,1	22.323	22.323	38,6	38,6	57.430	57.430	99,2	99,2	
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373	28.700	28.700	11.300	2.760	2.760	24,4	24,4	5.503	5.503	48,7	48,7	11.300	11.300	100,0	100,0	Chi trả giải phóng mặt bằng
2	Công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn Rạch Giá, Châu Thành và Kiên Lương (hạng mục: Cống Kênh Nhánh và Cống rạch Tà Niên)	RG, CT, KL	2018-2020	2356; 24/10/2018	306.639	65.752	11.727	11.727	43.530	8.883	8.883	20,4	20,4	15.000	15.000	34,5	34,5	43.530	43.530	100,0	100,0	Công trình đang thi công. Dự kiến công kênh nhánh sẽ hoàn thành vào tháng 12/2020 (cho thông cầu vào tháng 10). Do Cống Rạch Tà Niên vướng giải tỏa còn 01 hộ chưa chi trả do vướng thi hành án tòa án nên không đủ thời gian thi công hoàn thành trong năm 2020, kiến nghị kéo dài thời gian thực hiện dự án sang năm 2021 để thực hiện hoàn thành công trình. Đã thi công xong phần đóng cọc, trụ cầu, khung vẩy, sản xuất dầm cầu...
3	Nâng cấp cảng cá Tắc Cầu giai đoạn 1	CT		4461; BNN-TCTS 28/10/2016	95.166	1.485	1.400	1.400	2.600			0,0	0,0	1.820	1.820	70,0	70,0	2.600	2.600	100,0	100,0	Đang lập phương án BHGT.
4	Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và phối hợp đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	TT	2017-2022	5758; BNN, 29/12/2017	230.966	173.845			449			0,0	0,0			-	-			-	-	Đang chờ Ban CPO tuyển tư vấn để triển khai thực hiện; Đề nghị chuyển vốn qua DA WB9 thực hiện. Đề nghị chuyển sang dự án 9 công 14.000 triệu đồng (trong đó năm 2019 4.000 triệu đồng và năm 2020 10.000 triệu đồng)
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch nông thôn								6.000	137	137	2,3	2,3	6.000	6.000	100,0	100,0	6.000	6.000	100,0	100,0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 14/9/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - DP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020								-	-	-			-	-			-	-			
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409, 30/10/2018	96.346	96.346	45.711	45.711	-													
(2)	Các dự án đang thanh quyết toán				279.737	83.571	-	-	6.000	137	137	2,3	2,3	6.000	6.000	100,0	100,0	6.000	6.000	100,0	100,0	
1	Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (WB6) - Hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	AB	2015-2016	1023; 05/5/2016	279.737	83.571			1.041			0,0	0,0	1.041	1.041	100,0	100,0	1.041	1.041	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
2	Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (Hợp phần vệ sinh)_	AB, AM	2015-2017	671; 29/6/2015	11.954	3.939			2.573			0,0	0,0	2.573	2.573	100,0	100,0	2.573	2.573	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
3	Hệ thống cấp nước Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất	HD	2016-2018	512; 28/10/2016	14.726	14.726			268			0,0	0,0	268	268	100,0	100,0	268	268	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
4	TCN xã Tân Khánh Hòa (GĐ 2)	GT	2015-2018	26; 14/02/2017	12.673	12.673			993	137	137	13,8	13,8	993	993	100,0	100,0	993	993	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
5	NC, MR TCN Vĩnh Hòa Hưng Bắc	GQ	2016-2018	461; 29/10/2014	6.346	6.346			804			0,0	0,0	804	804	100,0	100,0	804	804	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
6	Nâng cấp sửa chữa các công trình cấp nước để phục vụ nhân dân ven biển và một số khu vực bị thiếu nước trong mùa khô năm 2016	TT	2016-2017	100; 31/3/2016	9.918	5.918			321			0,0	0,0	321	321	100,0	100,0	321	321	100,0	100,0	Đang quyết toán công trình
IV	Đầu tư GTNT, kiến cơ hóa kênh mương. Trong đó:								30.000	12.138	12.138	40,5	40,5	20.283	20.283	67,6	67,6	25.665	25.665	85,6	85,6	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020								30.000	12.138	12.138	40,5	40,5	20.283	20.283	67,6	67,6	25.665	25.665	85,6	85,6	
1	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373	44.100	44.100	30.000	12.138	12.138	40,5	40,5	20.283	20.283	67,6	67,6	25.665	25.665	85,6	85,6	Tháng 7 điều chỉnh dự án hạng mục Kè 10km. Tháng 8 phê duyệt hồ sơ TK BVTC hạng mục Kè 10km. Tháng 9 lựa chọn được nhà thầu thi công và ký kết hợp đồng. Tháng 10 khởi công xây dựng. Đang triển khai thi công 09 công, đã thi công xong phần bản đay công, tường thân công, nhà quản lý đã thi công xong phần thổ...
B	NGUỒN VỐN XÓ SỐ KIẾN THIẾT								52.330	14.484	14.436	27,7	27,6	42.730	42.730	81,7	81,7	46.330	46.330	88,5	88,5	
I	Danh mục bổ sung 2016-2020								46.330	14.484	14.436	31,3	31,2	42.730	42.730	92,2	92,2	46.330	46.330	100,0	100,0	
1	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên	AB	2019-2020	2526; 31/10/2019	59.984	59.984			25.000	1.362	1.362	5,4	5,4	22.000	22.000	88,0	88,0	25.000	25.000	100,0	100,0	Đang triển khai lựa chọn nhà thầu, trong tháng 9 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
2	Hệ thống đường ống nước xã Phú Mỹ	GT	2019-2020	105; 21/05/2019	2.200		1.800	1.570	400	7	7	1,8	1,8	400	400	100,0	100,0	400	400	100,0	100,0	Đang quyết toán
3	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	GT	2019-2020	732; 01/04/2019	18.000		12.000	11.963	1.530	1.530	1.530	100,0	100,0	1.530	1.530	100,0	100,0	1.530	1.530	100,0	100,0	Đang quyết toán
4	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019			300	300	4.700	755	755	16,1	16,1	4.300	4.300	91,5	91,5	4.700	4.700	100,0	100,0	Đang triển khai lựa chọn nhà thầu, trong tháng 9 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
5	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019			300	300	4.700	830	830	17,7	17,7	4.500	4.500	95,7	95,7	4.700	4.700	100,0	100,0	Đang triển khai lựa chọn nhà thầu, trong tháng 9 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
6	Mở rộng tuyến ống cấp nước Hồ Bãi Nhà	KH	2019-2020	375 SKH; 30/10/2019	14.775	14.775			10.000	10.000	9.952	100,0	99,5	10.000	10.000	100,0	100,0	10.000	10.000	100,0	100,0	Thi công hoàn thành, trong tháng sẽ tổng kiểm tra, nghiệm thu và đưa vào sử dụng, quyết toán công trình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2019		Kế hoạch năm 2020 (Qua các lần điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến 14/9/2020		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/01/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
II	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư								6.000	-	-	0,0	0,0	-	-	-	-	-	-	-	-	Đang thi công; Xin chuyển vốn dư
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								6.000			0,0	0,0			-	-			-	-	
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mên, huyện Kiên Hải	KH	2017-2020	2281; 30/10/2017; 317	120.000	30.000			6.000			0,0	0,0	3.000	3.000	50,0	50,0	6.000	6.000	100,0	100,0	Đang chi trả tiền BHGPMB cho dân
C	NGUỒN VỐN BỘI CHI CẦN ĐỐI NGĂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								114.000	-	-	0,0	0,0	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Vay thực hiện dự án nguồn vay lại của Chính phủ (ODA). Trong đó:								114.000	-	-	0,0	0,0	-	-	-	-	-	-	-	-	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020								114.000	-	-	0,0	0,0	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			114.000			0,0	0,0			-	-			-	-	Bổ trí dự vốn nên không thực hiện giải ngân được



**VỐN CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM 2019 SANG NĂM 2020 TIẾP TỤC THỰC HIỆN**  
(Kèm theo Báo cáo số 383/BC-SNNPTNT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2020	Thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ						209.715	133.747	126.302	180.385	180.385	205.226	205.226	QĐ chuyển nguồn số 938/QĐ-UBND ngày 14/4/2020
A	Nguồn vốn ngân sách Trung ương						190.090	118.998	111.553	164.047	164.047	186.090	186.090	
1	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000		3.986	3.986	3.986	3.986	3.986	3.986	3.986	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông cái Lớn - Cái Bé	CT-AB	2017-2022	2296; 30/10/2017	80.014	36.000	5.953	4.142	4.142	5.953	5.953	5.953	5.953	
3	Dự án xói lở bờ biển khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh	AM	2020-2024	1372; 15/6/2020	85.000		40.000	2.258	2.258	40.000	40.000	40.000	40.000	Đã ký hợp đồng với đơn vị thi công, ngày 14/9 đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.
4	Dự án kè chống sạt lở bờ biển khu vực Hòn Quóc, huyện Hòn Đất	HD	2019-2021	759; 26/3/2020	100.000		80.000	57.461	57.461	60.000	60.000	80.000	80.000	
5	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 cổng	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373	927	927	927	927	927	927	927	
6	Trạm cấp nước cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Hòa Hưng Nam và lấp bồn thép 2,000m3 + khoan 01 giếng đào Nam Du	GQ, KH	2016-2017	579/QĐ-SKHĐT ngày 21/10/2016	11.993		236			236	236	236	236	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành
7	Dự án ĐTXD mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo tỉnh Kiên Giang	TT	2019-2020	358/QĐ-SKHĐT ngày 21/10/2019	2.430	2.430	2.430	2.102	2.102	2.430	2.430	2.430	2.430	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2020	Thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
8	Dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020	HD, KL, HT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.848	10.299	22.010	22.010	22.010	22.010	22.010	22.010	22.010	Đã ký hợp đồng các gói thầu trong tháng 6/2020. Đang triển khai thi công.
9	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Kiên Giang	TT	2019-2020	1256; 04/6/2019	96.355		4.000			1.957	1.957	4.000	4.000	Đang xét thầu gói 01: Trang thiết bị PCCCR
10	Dự án: Khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015-2020	TT	2015-2020	1590; 03/8/2015	114.400	10.400	961	961	961	961	961	961	961	Dự án đặt thù, bảo vệ chăm sóc nên cuối năm mới thanh toán
11	Dự án kết hợp bảo vệ ven biển và khôi phục đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	TT					4.000							Đang chờ Ban CPO tuyển tư vấn để triển khai thực hiện;
12	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	25.587	25.151	17.706	25.587	25.587	25.587	25.587	Đã ký hợp đồng các gói thầu trong tháng 7/2020. Đang triển khai thi công.
B	Nguồn vốn Cân đối ngân sách địa phương						16.957	12.864	12.864	14.303	14.303	16.468	16.468	
1	Hồ chứa nước Bãi Nhà thuộc dự án xây dựng mới và sửa chữa nâng cấp cụm hồ Kiên Hải (hồ Hòn Ngang, Bãi Nhà và sửa chữa nâng cấp hồ Hòn Lớn), huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	KH	2015-2019	2296/QĐ-UBND 07/10/2019	78.640	34.780	1.482	1.482	1.482	1.482	1.482	1.482	1.482	
2	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn Kiên Giang	RG	2019-2020	1441/QĐ-UBND 02/07/2019	14.998	14.998	5.412	5.000	5.000	5.412	5.412	5.412	5.412	
3	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	5.293	5.293	5.293	5.293	5.293	5.293	5.293	Đã quyết toán
4	TCN xã Giục Tượng	CT	2016	99/QĐ-SKHĐT ngày	8.451	8.451	1.050					1.050	1.050	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành
5	TCN xã Vĩnh Thạnh	GR	2017	567/QĐ-SKHĐT 21/10/2016	12.000	12.000	465	165	165	165	165	165	165	Đã quyết toán

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QB đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2020	Thực hiện từ đầu năm đến 14/9/2020		Thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2020		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	TCN xã Vĩnh Hòa Hiệp	CT	2017	158/QĐ-SKHĐT 03/15/2017	10.200	10.200	924	924	924	1.091	1.091	1.091	1.091	Đã quyết toán
7	TCN xã Minh Hòa	CT	2018-2019	318/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2018	2.500	2.500	193					193	193	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành
8	TCN xã Định An	GQ	2018-2019	317/QĐ-SKHĐT	2.500	2.500	337					337	337	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành
9	Chi phí hỗ trợ nước sinh hoạt diện phân tán	TT	2018-2020	319/QĐ-SKHĐT; 29/10/2018	11.074	11.074	1.801			860	860	1.445	1.445	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành
C	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết						2.668	1.885	1.885	2.035	2.035	2.668	2.668	
1	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019	30.000	30.000	155	155	155	155	155	155	155	Đang triển khai lựa chọn nhà thầu, trong tháng 9 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
2	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019	37.000	37.000	120	120	120	120	120	120	120	Đang triển khai lựa chọn nhà thầu, trong tháng 9 sẽ ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và triển khai thi công
3	Hệ thống đường ống nước xã Phú Mỹ	GT	2019-2020	105; 21/05/2019	2.200	2.200	230	116	116	230	230	230	230	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành
4	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	GT	2019-2020	732; 01/04/2019	18.000	18.000	2163	1494	1494	1.530	1.530	2.163	2.163	Đang trình phê duyệt quyết toán hoàn thành